

AMERICAN DIPLOMACY IN THE FIGHT AGAINST BARBARY PIRATES IN THE MEDITERRANEAN FROM THE SECOND HALF OF THE 18TH TO THE FIRST HALF OF 19TH CENTURIES

Nguyen Van Sang*, Tran Tan Nghia

University of Science and Education - The University of Danang

ARTICLE INFO	ABSTRACT
Received: 28/02/2024 Revised: 31/3/2024 Published: 31/3/2024	The policy toward the Barbary pirate states in the Mediterranean was one of the important issues of American in the first period of the Founding Fathers of the United States. Based on historical sources, the article analyzes America's diplomatic activities in opposing the actions of the Barbary pirate states in the Mediterranean, including: (1) efforts to strengthen diplomacy with France to combat piracy; (2) Internal struggle to form a diplomatic policy with pirate states; (3) sign diplomatic treaties with pirate states to maintain peace. The research results confirm: (1) choosing a diplomatic solution to combat piracy is a suitable solution for the United States; (2) these diplomatic activities are only a temporary solution and do not completely resolve piracy in the Mediterranean; (3) diplomatic activities have impacted the United States in all aspects of fighting piracy. The research results contribute to clarifying the history of America's fight against Barbary pirates in the Mediterranean and the history of American diplomacy in the early independence period.
KEYWORDS	
The United States	
Barbary	
Mediterranean	
Pirate	
Treaty	

NGOẠI GIAO CỦA NƯỚC MỸ TRONG CUỘC CHIẾN CHỐNG CƯỚP BIỂN BARBARY Ở ĐỊA TRUNG HẢI TỪ CUỐI THẾ KỶ XVIII ĐẾN NỬA ĐẦU THẾ KỶ XIX

Nguyễn Văn Sang*, Trần Tấn Nghĩa

Trường Đại học Sư phạm - ĐH Đà Nẵng

THÔNG TIN BÀI BÁO	TÓM TẮT
Ngày nhận bài: 28/02/2024 Ngày hoàn thiện: 31/3/2024 Ngày đăng: 31/3/2024	Chính sách với các nhà nước cướp biển Barbary ở khu vực Địa Trung Hải là một trong số vấn đề trọng tâm của nước Mỹ ở buổi đầu thời kì lập quốc. Trên cơ sở các nguồn sử liệu, bài báo phân tích hoạt động ngoại giao của nước Mỹ trong việc chống lại hành động của các nhà nước cướp biển Barbary ở khu vực Địa Trung Hải gồm: (1) những nỗ lực tăng cường ngoại giao với Pháp để chống cướp biển; (2) đấu tranh nội bộ để hình thành đường lối ngoại giao với các nhà nước cướp biển; (3) kí kết các hiệp ước ngoại giao với các nhà nước cướp biển để duy trì hòa bình. Kết quả nghiên cứu khẳng định: (1) việc lựa chọn giải pháp ngoại giao để chống cướp biển là phù hợp; (2) hoạt động ngoại giao mang tính tạm thời, không giải quyết triệt để nạn cướp biển, (3) các hoạt động ngoại giao đã tác động đến nước Mỹ trên mọi phương diện trong việc chống cướp biển. Kết quả nghiên cứu đóng góp vào làm rõ lịch sử chống cướp biển Barbary của nước Mỹ ở khu vực Địa Trung Hải và lịch sử ngoại giao nước Mỹ buổi đầu thời kì độc lập.
TỪ KHÓA	
Mỹ	
Barbary	
Địa Trung Hải	
Cướp biển	
Hiệp định	

DOI: <https://doi.org/10.34238/tnu-jst.9795>

* Corresponding author. Email: nvsang@ued.udn.vn

1. Giới thiệu

Barbary là tên gọi chung để chỉ các quốc gia ở khu vực Bắc Phi bao gồm Morocco, Algeria, Tunis (nay là Tunisia) và Tripoli (nay là Libya). Trong lịch sử, cướp biển Barbary là nỗi kinh hoàng đối với các quốc gia châu Âu có buôn bán qua khu vực Địa Trung Hải. Kể từ khi nước Mỹ tuyên bố thành lập, nước Anh tuyên bố với các nhà nước cướp biển Barbary rằng họ không còn bảo hộ cho nước Mỹ trong các hoạt động giao thương qua khu vực Địa Trung Hải. Tình thế đó đã đặt nước Mỹ đứng trước những khó khăn trong đối phó với cướp biển. Người Mỹ nhận thức được sự non trẻ, tình trạng khó khăn nhiều mặt của đất nước. Cho nên ngoại giao hòa bình được coi là công cụ hữu hiệu để đạt được mục tiêu đảm bảo sự cân bằng, tránh xung đột, duy trì sự ổn định của nền thương mại qua khu vực Địa Trung Hải. Chính vì lẽ đó, chính sách của nước Mỹ với cướp biển Barbary nhận được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu. Các công trình nghiên cứu đã phân tích lập trường chính sách của các tổng thống Mỹ đối với cướp biển Barbary, quá trình đấu tranh trong nội các của chính quyền Mỹ đối với việc hình thành chính sách chống cướp biển Barbary. Các nghiên cứu đã chỉ ra được sự khác biệt trong quan điểm, đường lối giữa các đời tổng thống về ngoại giao chống cướp biển. Các kết quả nghiên cứu đã khẳng định chủ trương thực hiện ngoại giao của các tổng thống Mỹ qua các thời kỳ [1] - [5]. Một số nghiên cứu khác lại tập trung vào việc nước Mỹ tiến hành đàm phán, kí kết các hiệp định với các nhà nước Barbary [6] - [13].

Có thể thấy rằng, các kết quả nghiên cứu trước đó về ngoại giao của nước Mỹ về cuộc chiến chống cướp biển Barbary chưa trình bày về những nỗ lực kết nối quốc tế trong việc tăng cường sức mạnh của Mỹ để chống cướp biển. Bên cạnh đó, các hiệp ước giữa Mỹ với nhà nước Barbary chưa được các nhà khoa học tiếp cận như là một trong những giải pháp ngoại giao quan trọng của nước Mỹ trong đối sách chống cướp biển. Đồng thời, các nghiên cứu cũng chưa làm sáng tỏ được tác động của các hiệp ước hòa hòa bình lên nhận thức của nước Mỹ, vị thế của nước Mỹ trong cuộc chiến chống cướp biển. Trên cơ sở kế thừa kết quả nghiên cứu của các nhà khoa học, dựa vào các nguồn tư liệu lịch sử, bài viết sẽ tập trung phân tích, trình bày, đánh giá chính sách và hoạt động ngoại giao của Mỹ trong cuộc chiến chống cướp biển thông qua ba nhóm đối sách chính là nỗ lực phát triển ngoại giao với nước Pháp đồng minh, đấu tranh nội các để hình thành đường lối ngoại giao chống cướp biển và những nỗ lực đàm phán với các nhà nước Barbary trong tiến trình chống cướp biển.

2. Phương pháp nghiên cứu

Bài báo là một vấn đề của khoa học lịch sử do đó, trong bài báo này, hai phương pháp chuyên ngành được sử dụng là phương lịch sử và phương pháp logic. Ngoài ra, các phương pháp nghiên cứu khác cũng được sử dụng trong bài báo.

3. Kết quả và bàn luận

3.1. Phát triển ngoại giao với nước Pháp để chống cướp biển

Năm 1776, nước Anh tuyên bố với các nhà nước cướp biển Barbary rằng họ sẽ ngừng bảo hộ thương mại đối với cư dân thuộc địa ở Bắc Mỹ buôn bán qua khu vực Địa Trung Hải. Hành động đó đã đặt nước Mỹ vào mối đe dọa cướp biển. Cho đến khi giành được độc lập, người Mỹ cũng chưa có phương án nào để chống lại cướp biển. Trong khi đó, ngay sau khi Anh từ bỏ bảo hộ, các tàu buôn của Mỹ liên tục bị tấn công từ cướp biển Barbary. Người Mỹ nhận thức được rằng họ không có khả năng phòng vệ trước sức mạnh của cướp biển. Trong tình thế khó khăn này, nước Mỹ đã lựa chọn tranh thủ sự hỗ trợ quốc tế, trong đó nước Pháp với tư cách đồng minh như là một chỗ dựa duy nhất để chống cướp biển, xem Pháp là nhân tố đóng một vai trò quan trọng trong việc chống lại hoạt động cướp biển Barbary để bảo vệ lợi ích quốc gia của Mỹ. Việc Mỹ lựa chọn Pháp là một đối tác ngoại giao quan trọng xuất phát từ nhiều yếu tố: (1) Mối quan hệ liên minh tích cực giữa Pháp và Mỹ đã có được trong thời kì chiến tranh giành độc lập; (2) Xét trong bối cảnh bấy giờ, nước Pháp là một trong số các quốc gia ở châu Âu có tiềm lực lớn về kinh tế, sức mạnh quân

sự và chính trị lớn có thể hỗ trợ cho Mỹ trong cuộc chiến chống cướp biển; (3) Xung đột, cạnh tranh trong quan hệ Pháp-Anh, do đó việc tăng cường mối quan hệ Mỹ - Pháp tạo cơ sở cho nước Pháp củng cố thêm đồng minh và đạt được nhiều lợi thế trước nước Anh.

Ngay từ khi giành được độc lập, nước Mỹ cũng cố gắng tự mình giải quyết vấn đề cướp biển Barbary. Mặc dù vậy, sau những nỗ lực thất bại trong việc tìm kiếm giải pháp ngoại giao với các nhà nước Barbary, năm 1794 chính quyền Mỹ đã cử phái đoàn gồm Benjamin Franklin, John Adams và Thomas Jefferson đến Paris để thương lượng ngoại giao với Pháp. Tại Pháp, phái đoàn ngoại giao của Mỹ đã bày tỏ mong muốn Pháp hỗ trợ về quân sự để ngăn chặn tình trạng cướp biển. Trong bối cảnh cuộc cách mạng nước Pháp đang bước vào thời kì căng thẳng, cuộc đàm phán giữa Mỹ và chính quyền cách mạng của Pháp nhanh chóng thất bại. Nước Pháp khước từ đề nghị của người Mỹ. Tiếp đó, nỗ lực của phái đoàn ngoại giao Mỹ trong việc phát triển mối quan hệ đồng minh với Pháp tiếp tục thất bại với vụ bê bối XYZ. Điều này đã dẫn đến sự căng thẳng Mỹ - Pháp và cuộc “Chiến tranh kỳ quặc” giữa Pháp - Mỹ (Quasi war) (1798-1800) [12]. Sau khi “Chiến tranh kỳ quặc” giữa Pháp - Mỹ kết thúc, nước Mỹ bày tỏ một lần nữa mong muốn phát triển quan hệ ngoại giao với Pháp. Vào thời điểm đó, Napoleon Bonaparte đang làm chủ vùng Địa Trung Hải và Pháp là một trong những thế lực chính trị và quân sự hàng đầu trên thế giới. Do đó, Mỹ nhìn nhận sự liên minh ngoại giao và ủng hộ của Pháp sẽ giúp nâng cao vị thế chính trị, ngoại giao của Mỹ, cũng như được hỗ trợ về quân sự và kinh tế. Mỹ xem đây là một trong những giải pháp hữu hiệu cho tình thế căng thẳng với cướp biển Barbary. Đồng thời, trong bối cảnh lúc này, sự cạnh tranh và cuộc chiến tranh giữa Pháp với Anh đang diễn ra gay gắt là một lợi thế để Mỹ có thể tận dụng được nhằm thiết lập liên minh với Pháp hướng tới các lợi ích chiến lược chung. Chính phủ Pháp cũng nhận thấy việc duy trì một quan hệ tốt với Mỹ có thể mang lại lợi ích chiến lược cho cả Pháp và Mỹ nên cũng tán đồng với những sự liên kết này. Ngoài ra, việc cướp biển tiếp tục hoạt động ở Địa Trung Hải sẽ có thể làm suy yếu quan hệ Mỹ-Pháp và tạo cơ hội cho Anh tăng cường ảnh hưởng của mình [14]. Điều đó tạo thuận lợi để Mỹ và Pháp liên minh với nhau trong công việc chống cướp biển.

Kể từ năm 1801, quá trình hợp tác Mỹ-Pháp trong việc chống cướp biển chính thức được bắt đầu khi Mỹ đã cử một đoàn đại diện đến Pháp để đàm phán với Napoleon và chính phủ Pháp [3]. Mục tiêu của nước Mỹ là thiết lập một hiệp ước hợp tác chống cướp biển và bảo vệ lợi ích chung tại khu vực Địa Trung Hải. Thông qua các cuộc đàm phán khéo léo, Mỹ đã đạt được thành công trong việc thuyết phục Pháp hỗ trợ chống lại hoạt động cướp biển. Kết quả là ngày 30 tháng 4 năm 1803, hai nước đã ký kết Hiệp ước Mỹ-Pháp, chính thức thiết lập liên minh để chống lại hoạt động cướp biển ở Địa Trung Hải [14]. Hiệp ước này cam kết sự hỗ trợ và hợp tác giữa hai nước trong việc phát triển một lực lượng hải quân đủ mạnh để đối phó với cướp biển. Thông qua hợp tác về quân sự và tình hữu nghị, Mỹ và Pháp đã triển khai các cuộc tấn công chống lại các cướp biển trên biển Địa Trung Hải. Từ liên minh này, nước Pháp đã đóng góp quan trọng vào việc cung cấp hỗ trợ quân sự, tài chính và cung cấp hỗ trợ tình báo cùng những thông tin quan trọng về hoạt động của cướp biển Barbary cho Mỹ trong cuộc chiến. Những hỗ trợ tài chính, tàu chiến và quân sự đã giúp Mỹ tăng cường nguồn lực lớn để thực hiện cuộc chiến chống cướp biển Barbary [11]. Sự hợp tác này đã giúp tăng cường khả năng chiến đấu của Mỹ trước các thủ lĩnh của nhà nước Barbary và đẩy lùi sự đe dọa từ các cuộc tấn công của cướp biển. Hơn nữa, việc hợp tác với Pháp còn giúp Mỹ tạo ra đòn phản công mạnh mẽ đối với cướp biển như trong năm 1803, Mỹ và Pháp đã thực hiện một cuộc tấn công chung vào Tripoli. Ngoài ra, nỗ lực của hai nước cũng đã đẩy lùi hoạt động cướp biển của Algeria, một trong những nước chủ chốt của lực lượng cướp biển ở khu vực Địa Trung Hải [14].

Sự thành công của mối quan hệ hợp tác Mỹ - Pháp đã tạo ra một cơ sở vững chắc cho quan hệ ngoại giao giữa hai nước và góp phần mở ra một trang mới trong quan hệ đối tác giữa Mỹ và Pháp. Sự phát triển quan hệ ngoại giao với Pháp trong cuộc chiến chống Barbary không chỉ ảnh hưởng ngắn hạn mà còn lâu dài trong tương lai và mang đến nhiều thành công cho cả Pháp lẫn Mỹ. Quan hệ tốt giữa hai nước đã tiếp tục phát triển sau giai đoạn chống cướp biển, giúp xác lập

một cơ sở vững chắc cho hợp tác song phương trong các vấn đề an ninh và quốc phòng, tạo nên một liên minh mạnh mẽ trong các vấn đề quan trọng khác như chống lại sự thông trị của Anh trên biển, duy trì sự ổn định ở châu Âu và giúp khám phá, phát triển khu vực Tây Bắc nước Mỹ. Mỗi quan hệ hợp tác Mỹ - Pháp cũng góp phần thúc đẩy quan hệ thương mại giữa Mỹ với Pháp, thông qua các hỗ trợ mà Pháp dành cho Mỹ và cũng như Mỹ phát triển thương mại với các quốc gia châu Âu khác. Việc tham gia hoạt động chung giữa Mỹ và Pháp trong ngăn chặn hoạt động cướp biển đã tạo ra một môi trường an toàn hơn cho các tàu thương mại qua khu vực Địa Trung Hải và tăng cường vị thế của Mỹ, thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế nước này.

Sự ủng hộ và hợp tác từ Pháp đã giúp Mỹ tạo ra một liên minh mạnh mẽ và tạo đà cho việc xây dựng mối quan hệ đối tác với các quốc gia châu Âu khác cũng như các quốc gia ở Địa Trung Hải [6]. Mỹ đã thiết lập các mối quan hệ với Ottoman và các quốc gia châu Âu khác nhằm xây dựng mạng lưới hợp tác để chống lại hoạt động cướp biển và bảo vệ lợi ích quốc gia [7]. Việc mở rộng quan hệ ngoại giao này còn tạo ra một môi trường thuận lợi để Mỹ tham gia vào các cuộc thương thảo và hiệp ước nhằm đảm bảo an ninh và thương mại trên biển. Điều này đã mở ra cánh cửa cho sự hợp tác và liên minh với các quốc gia khác, góp phần vào sự tăng cường quyền lực và vai trò của Mỹ trên trường quốc tế. Ở một phương diện nhất định, Mỹ đã thành công trong việc chống lại hoạt động cướp biển và đảm bảo an ninh biển quốc tế.

Trong bối cảnh thế giới đang tồn tại với những mối đe dọa mới, những nỗ lực của Mỹ và Pháp trong hợp tác chống cướp biển trên biển Địa Trung Hải đã trở thành một mô hình quan hệ ngoại giao thành công. Từ một tình trạng bất ổn và mâu thuẫn, quan hệ giữa hai nước đã được cải thiện đáng kể thông qua sự hợp tác và tình hữu nghị. Điều này minh chứng cho sự quan trọng của việc phát triển quan hệ ngoại giao giữa các quốc gia và tầm quan trọng của việc tìm kiếm những giải pháp chung nhằm giải quyết các vấn đề quan trọng và bảo vệ lợi ích chung. Nó đã tạo ra một tiền đề cho việc xây dựng mạng lưới liên minh và hiệp ước quốc tế để đối phó với các mối đe dọa an ninh. Sự hợp tác giữa Mỹ và Pháp đã gửi một điệp điệp mạnh mẽ rằng các quốc gia có thể cùng nhau vượt qua những mâu thuẫn hướng đến giải quyết những vấn đề quốc tế và bảo vệ lợi ích chung [4]. Đây là cơ sở quan trọng để các quốc gia châu Âu khác tham gia vào cuộc chiến chống cướp biển do Mỹ phát động ở giai đoạn sau đó.

3.2. Đấu tranh trong nội bộ để xây dựng chính sách ngoại giao chống cướp biển

Trong chính quyền Mỹ lúc bấy giờ, giữa Tổng thống Thomas Jefferson và Quốc hội Mỹ có sự khác nhau rõ rệt trong quan điểm và cách tiếp cận về vấn đề chống cướp biển. Sự mâu thuẫn giữa Thomas Jefferson và Quốc hội có thể phản ánh cuộc đấu tranh giữa hai bên về thẩm quyền và quyền lực. Trong việc xây dựng chính sách chống cướp biển Barbary, Thomas Jefferson tìm cách tăng cường quyền lực của tổng thống về lĩnh vực quân sự và ngoại giao. Trong khi đó, Quốc hội muốn duy trì vai trò của mình trong việc xác định chính sách và quyết định về việc sử dụng nguồn lực tài chính và quân sự. Cuộc đấu tranh của hai bên trong nội bộ cũng là một trong những hoạt động có ý nghĩa trong việc xác định con đường, cách thức ngoại giao phù hợp của nước Mỹ trong cuộc chiến chống cướp biển.

Đầu tiên, cuộc đấu tranh nội bộ để thực thi các chính sách ngoại giao chống cướp biển bắt đầu bằng quan điểm về việc sử dụng quyền lực quân sự giữa Thomas Jefferson với Quốc hội. Thomas Jefferson ủng hộ việc sử dụng quân đội và sức mạnh quân sự để đối phó với cướp biển Barbary. Ông cho rằng sức mạnh quân sự là yếu tố quan trọng trong việc chấm dứt hoạt động cướp biển và bảo vệ lợi ích quốc gia. Tuy nhiên, một số thành viên của Quốc hội có quan điểm khác, nhấn mạnh việc tìm kiếm giải pháp hòa bình, ưu tiên sử dụng đàm phán và thương lượng để đạt được thỏa thuận hòa bình với các nhà nước Barbary [9]. Cuộc tranh chấp với Quốc hội về quan điểm hòa bình hay sử dụng quân sự trong quan hệ với các nhà nước Barbary đã thúc đẩy Thomas Jefferson đưa ra quyết định cuối cùng. Ông đã quyết định nhanh hơn trong việc đưa ra các chính sách sử dụng vũ lực để khẳng định tính đúng đắn của các chính sách mà ông theo đuổi. Jefferson tập trung vào việc đưa ra các biện pháp cụ thể cho việc sử dụng sức mạnh quân sự để đối phó với

cướp biển Barbary. Ông đã cho phép tăng cường hải quân và triển khai các tàu chiến đến khu vực biển Barbary để thể hiện quyết tâm của Mỹ trong việc bảo vệ thương mại và công dân. Thomas Jefferson cũng đề cao việc xây dựng mối quan hệ ngoại giao với các quốc gia châu Âu như Pháp và Anh, để có được sự ủng hộ và hỗ trợ quốc tế trong cuộc chiến chống cướp biển [7].

Cuộc đấu tranh nội bộ với Quốc hội dẫn đến các hành động chống cướp biển của nước Mỹ còn được thể hiện trong quan điểm giữa Tổng thống và Quốc hội về đường lối ngoại giao liên quan đến việc hỗ trợ quốc tế. Thomas Jefferson tập trung vào việc xây dựng mối quan hệ với các đối tác quốc tế để đạt được sự hỗ trợ trong việc chống cướp biển Barbary. Ông tìm kiếm sự hỗ trợ từ Pháp và các quốc gia khác để hợp tác trong việc đối phó với mối đe dọa này. Tuy nhiên, Quốc hội có ý kiến khác khi cho rằng chỉ cần tập trung vào các biện pháp nội bộ và sự hỗ trợ từ quốc tế có thể không đủ hiệu quả. Chính vì vậy, Quốc hội không dành nhiều sự quan tâm với việc hợp tác quốc tế. Tuy vậy, dưới thời cầm quyền của mình, Tổng thống Jefferson đã đẩy mạnh các hoạt động kể trên, coi đó là một nhân tố hữu hiệu trong bối cảnh tiềm lực nước Mỹ còn hạn chế. Bên cạnh đó, ở phương diện tài chính và nguồn lực, Thomas Jefferson và Quốc hội có những quan điểm khác nhau. Thomas Jefferson có xu hướng đầu tư vào hải quân và tăng cường sức mạnh quân đội để đảm bảo an ninh biển và chống lại cướp biển Barbary [9].

Mặc dù có những khác biệt trong quan điểm và tiếp cận, Thomas Jefferson và Quốc hội đã cố gắng đạt được sự đồng thuận và hợp tác thông qua sự thảo luận, đối thoại và tìm kiếm sự đồng thuận trong việc xây dựng chính sách chống cướp biển Barbary. Cả hai bên đều chia sẻ mục tiêu chung là bảo vệ lợi ích quốc gia và đảm bảo an ninh biển. Hai bên đã cố gắng hòa giải bất đồng để đạt được kết quả mong muốn. Đầu tiên, Thomas Jefferson và Quốc hội đã thực hiện các cuộc thảo luận và đối thoại để trao đổi quan điểm và lắng nghe nhau. Họ tìm hiểu những lợi ích và khó khăn của từng quan điểm và cố gắng tìm ra giải pháp tốt nhất. Qua việc thảo luận, họ đã xác định được mục tiêu chung và nắm bắt được ý kiến của nhau [7]. Thứ hai, Thomas Jefferson đã trao quyền cho Quốc hội để tham gia vào việc đưa ra các quyết định và chính sách. Ông nhận thức rằng một quyết định tốt nhất không thể đạt được mà không có sự đóng góp của Quốc hội. Thông qua việc trao quyền và sự linh hoạt, Jefferson đã tạo điều kiện cho sự tham gia và đồng lòng của Quốc hội trong việc xây dựng chính sách chống cướp biển. Thứ ba, trong quá trình tìm kiếm sự đồng thuận, cả Thomas Jefferson và Quốc hội đã thực hiện các cuộc đàm phán và thương lượng. Họ hiểu rằng để đạt được thành công trong chính sách chống cướp biển, cần phải có sự đoàn kết và tìm kiếm sự đồng thuận. Họ đã lắng nghe và thấu hiểu những quan điểm và quan ngại của nhau, và cố gắng đưa ra những quyết định đáp ứng được mục tiêu chung và lợi ích của Mỹ. Cuối cùng, Quốc hội đã cung cấp tài chính và hỗ trợ để xây dựng, mở rộng hải quân, nhằm tăng cường khả năng chiến đấu chống cướp biển. Họ nhận thức rằng việc đầu tư vào lực lượng và các thiết bị cho lực lượng hải quân là thật sự cần thiết. Nguồn tài chính và sự hỗ trợ từ Quốc hội đã cho phép Thomas Jefferson thực hiện kế hoạch xây dựng lực lượng hải quân mạnh để đối phó với hoạt động cướp biển Barbary. Việc đầu tư vào hải quân không chỉ tăng cường sức mạnh quân sự của Mỹ mà còn gửi đi một thông điệp rõ ràng rằng Mỹ sẵn sàng bảo vệ công dân và lợi ích của mình trên biển cả [9].

Trên thực tế việc giải quyết bất đồng giữa Thomas Jefferson và Quốc hội không phải là một quá trình dễ dàng. Mâu thuẫn nội bộ và sự khác biệt về quan điểm đã tạo ra căng thẳng và tranh cãi trong quá trình đưa ra quyết định và hành động. Tuy nhiên, thông qua thảo luận, đối thoại, tìm kiếm sự đồng thuận và sự hỗ trợ tài chính, họ đã tìm ra cách giải quyết bất đồng và đạt được mục tiêu chung là bảo vệ lợi ích của Mỹ và chống lại hoạt động cướp biển Barbary. Điều này cho thấy sự linh hoạt và khả năng thích ứng của hệ thống chính trị Mỹ trong việc đối phó với thách thức quốc tế. Thomas Jefferson và Quốc hội cũng đã cố gắng kết hợp các phương tiện quyền lực khác nhau để đối phó với cướp biển Barbary.

Từ buổi đầu của việc xây dựng chính quyền, trong cuộc chiến chống cướp biển, nội bộ nước Mỹ đã có cuộc đấu tranh giữa Tổng thống và Quốc hội để đi đến một đường lối ngoại giao phù hợp với nhà nước cướp biển Barbary. Nhờ cuộc đấu tranh này, nước Mỹ đã định hình được chính

sách ngoại giao linh hoạt, khác biệt so với các quốc gia châu Âu khác trong quan hệ với cướp biển Barbary trong giai đoạn kể trên.

3.3. Kí kết các hiệp ước hòa bình với các nhà nước Barbary

Quá trình nước Mỹ kí kết các hiệp ước hòa bình với các nhà nước Barbary đã đóng vai trò quan trọng trong chấm dứt hoạt động cướp biển và bảo vệ lợi ích thương mại của Mỹ trên biển Địa Trung Hải. Quá trình kí kết các hiệp ước hòa bình đã mang lại những kết quả tích cực, đánh dấu một cột mốc quan trọng trong lịch sử ngoại giao và quan hệ quốc tế của Mỹ.

Cuối thế kỷ XVIII, các nhà nước Barbary gồm Algeria, Tripoli và Tunisia trở thành tâm điểm của hoạt động cướp biển, đe dọa tàu thương mại của các quốc gia khác, bao gồm Mỹ. Những cuộc tấn công này không chỉ gây thiệt hại về tài sản mà còn đe dọa sự tự do hàng hải và lợi ích thương mại của Mỹ. Đối mặt với những thách thức này, Mỹ đã đưa ra quyết tâm chấm dứt hoạt động cướp biển và tìm kiếm giải pháp bền vững. Trong giai đoạn đầu khi đối diện với vấn đề cướp biển, nước Mỹ đã gặp phải muôn vàn khó khăn thử thách, nhất là trong việc thương lượng và ngoại giao với các nước Barbary. Trong hơn thập kỷ, Mỹ đã đấu tranh ngoại giao quyết liệt với các nước Barbary để có thể đạt được các hiệp ước hòa bình. Mỹ mới ký kết được hiệp ước đầu tiên với chính phủ Morocco (1786), tiếp đó lần lượt kí với Algeria (1795), Tunisia (1795), và Tripoli (1795). Theo đó, Mỹ đã trả những khoản tiền chuộc khổng lồ để có thể giải thoát các công dân của mình. Quá trình ký kết các hiệp ước hòa bình này cũng đặt ra một số thách thức và tranh cãi. Một trong những tranh cãi chính là việc trả tiền chuộc và tiền cống nạp khổng lồ để giải cứu các con tin là thương nhân Mỹ và đạt được thỏa thuận ký kết các hiệp ước. Việc trả tiền chuộc và tiền cống nạp có thể “khuyến khích” các nhà nước Barbary tiếp tục hoạt động cướp biển và bắt giữ tù nhân để đòi tiền chuộc. Ngoài ra, một số người cũng lo ngại rằng việc ký kết hiệp ước với các nhà nước Barbary có thể tạo ra một thông lệ cho việc sử dụng áp lực và tiền bạc để giải quyết mâu thuẫn, thay vì tuân thủ nguyên tắc quốc tế và pháp lý. Cùng với đó, các hiệp ước còn cho thấy rõ sự yếu thế của Mỹ trước các nhà nước Barbary, dẫn đến nguy cơ việc đánh mất danh dự quốc gia. Đồng thời, những hiệp ước này không thể giải quyết được triệt để vấn đề cướp biển, cướp biển vẫn hoạt động tự do và nhiều lần tấn công vào thương mại Mỹ khiến Mỹ chịu tổn thất lớn. Tuy vậy, trong bối cảnh nước Mỹ bị hạn chế về tiềm lực quân sự, kinh tế, chính trị thì những hiệp ước này đã có tác dụng to lớn giúp Mỹ tạm thời hòa hòa hoãn với các nhà nước Barbary để có thêm thời gian phát triển sức mạnh quân sự, kinh tế để có thể tấn công chống cướp biển sau này. Sau hiệp ước Mỹ - Morocco, nhà nước Morocco hầu như không có bất kỳ sự tấn công nào nữa vào thương mại Mỹ cũng đã đóng góp quan trọng loại bỏ một mối đe dọa Morocco.

Trong giai đoạn 1801 - 1805, quá trình ngoại giao với Barbary tiếp tục có sự phát triển tích cực với Mỹ. Vào tháng 6 năm 1801, Mỹ đã tiến hành một cuộc tấn công quân sự vào Algeria nhằm đánh tan khả năng quân sự của nước này và chấm dứt hoạt động cướp biển. Tuy nhiên, cuộc tấn công này không đạt được kết quả như mong đợi và Mỹ đã quyết định chọn con đường ngoại giao để giải quyết vấn đề. Qua đó, quá trình đàm phán và kí kết các hiệp ước hòa hòa hoãn đã bắt đầu [8]. Trong quá trình đàm phán, Mỹ đã tìm cách đạt được một thỏa thuận có lợi cho cả hai bên, bảo vệ lợi ích hàng hải của mình và đảm bảo an ninh trên biển. Các cuộc đàm phán kéo dài trong một khoảng thời gian khá lâu và yêu cầu sự kiên nhẫn và nỗ lực từ phía nước Mỹ. Cuối cùng, Mỹ đã thành công trong việc kí kết các hiệp ước hòa bình với các nhà nước Barbary. Với Algeria, Mỹ đã ký kết hiệp ước vào năm 1805. Trong hiệp ước này, Mỹ cam kết trả một số tiền chuộc để giải cứu các tù nhân Mỹ bị bắt làm con tin trong cuộc chiến. Đồng thời, Algeria chấm dứt hoạt động cướp biển và cam kết không tấn công các tàu Mỹ trong tương lai. Hiệp ước này không chỉ đảm bảo sự giải phóng tù nhân Mỹ mà còn đặt nền móng cho một mối quan hệ hòa bình và hợp tác trên biển giữa hai quốc gia [15].

Tương tự, Mỹ cũng kí kết các hiệp ước hòa bình với Tripoli và Tunisia. Các hiệp ước này chứa đựng các điều khoản tương tự, nhằm bảo vệ tàu thương mại Mỹ và đảm bảo an ninh hàng hải trên biển Địa Trung Hải. Việc kí kết các hiệp ước này đã đặt nền móng cho một môi trường

ổn định hơn cho tàu thương mại Mỹ và mở ra cơ hội phát triển hợp tác kinh tế và văn hóa với các nhà nước Barbary. Quá trình kí kết các hiệp ước hòa hòa bình với các nhà nước Barbary đã có tác động sâu sắc đến quan hệ quốc tế của Mỹ và châu Âu: *Thứ nhất*, nó đã tạo ra một môi trường an ninh và ổn định hơn trên biển Địa Trung Hải, cho phép tàu thương mại Mỹ và các quốc gia khác hoạt động một cách tự do và an toàn hơn. Điều này đã thúc đẩy sự phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ thương mại giữa Mỹ và các quốc gia châu Âu. *Thứ hai*, quá trình kí kết các hiệp ước hòa hòa bình này đã thể hiện sự quyết tâm và khả năng ngoại giao của nước Mỹ trong việc bảo vệ quyền lợi và an ninh của mình trên trường quốc tế. Mỹ đã sử dụng sự thông minh và sự khéo léo trong đàm phán để đạt được những điều kiện hợp lý và đáp ứng các lợi ích của mình mà không phải sử dụng lực lượng quân sự duy nhất. *Thứ ba*, quá trình kí kết các hiệp ước hòa hòa bình với các nhà nước Barbary đã mở ra cánh cửa cho sự tương tác và trao đổi văn hóa giữa Mỹ và các quốc gia châu Âu. Việc tham gia vào các cuộc đàm phán và xây dựng quan hệ ngoại giao đã cho phép nước Mỹ tiếp cận với các nhà nước Barbary và khám phá thêm về văn hóa, truyền thống và tập quán của họ. Điều này đã làm mở rộng kiến thức và nhận thức của Mỹ về thế giới bên ngoài và góp phần trong việc hình thành một cách nhìn toàn diện hơn về các quốc gia và nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

Quá trình nước Mỹ kí kết các hiệp ước hòa hòa bình với các nhà nước Barbary đã đóng vai trò quan trọng trong việc chấm dứt hoạt động cướp biển Barbary và bảo vệ lợi ích thương mại của Mỹ trên biển Địa Trung Hải. Quá trình này đã cho thấy sự quyết tâm và khả năng ngoại giao của nước Mỹ trong việc đối phó với các thách thức quốc tế và bảo vệ quyền lợi của mình. Quá trình kí kết các hiệp ước hòa hòa bình với các nhà nước Barbary không chỉ là một chiến thắng đối với Mỹ mà còn có ý nghĩa lớn đối với cả khu vực Địa Trung Hải và quốc tế. Nó đã thúc đẩy sự ổn định và phát triển kinh tế trong khu vực, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thúc đẩy hợp tác và trao đổi giữa các quốc gia. Sự chấm dứt hoạt động cướp biển đã tạo ra một môi trường an toàn hơn cho tàu thương mại và các hoạt động hàng hải, góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế vùng Địa Trung Hải. Ngoài ra, quá trình này cũng đã định hình lại vị thế của Mỹ trên trường quốc tế và tăng cường vai trò của nước này trong các cuộc đàm phán và quan hệ quốc tế. Mỹ đã chứng tỏ khả năng sử dụng ngoại giao và đàm phán để giải quyết mâu thuẫn và bảo vệ lợi ích quốc gia, không chỉ sử dụng quân sự duy nhất. Điều này đã góp phần vào việc xây dựng và thể hiện sự mạnh mẽ và chính trị của Mỹ trên trường quốc tế. Không những vậy, quá trình kí kết các hiệp ước hòa bình cũng có tác động đáng kể đến quan hệ quốc tế chung và sự phát triển của luật pháp quốc tế. Việc Mỹ sử dụng ngoại giao và đàm phán để giải quyết mâu thuẫn cùng với sự tôn trọng và tuân thủ quy tắc quốc tế đã đặt ra một tiền lệ quan trọng cho các cuộc đàm phán và hiệp ước tương lai trên toàn thế giới. Mỹ đã góp phần xây dựng cơ sở cho hệ thống pháp lý và chính trị quốc tế, tạo ra một môi trường ổn định và công bằng cho quan hệ giữa các quốc gia. Hơn nữa, các hiệp ước hòa bình này đã đóng góp vào việc định hình lại vai trò của Mỹ trong quan hệ quốc tế. Mỹ đã chứng minh khả năng tiếp cận và giải quyết mâu thuẫn một cách hòa bình và xây dựng quan hệ hợp tác lâu dài với các quốc gia khác.

Quá trình kí kết các hiệp ước hòa bình với các nhà nước Barbary đã khẳng định vai trò của Mỹ trong việc thúc đẩy hòa bình và ổn định quốc tế. Nó đã làm nổi bật khả năng ngoại giao và tầm ảnh hưởng của Mỹ trong giải quyết mâu thuẫn và xây dựng quan hệ hợp tác. Quá trình này cũng đã tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển kinh tế và mở rộng quan hệ văn hóa giữa Mỹ và các quốc gia Barbary. Tuy nhiên, cần nhớ rằng việc đạt được hiệp ước hòa bình không chỉ dựa vào sức mạnh quân sự mà còn yêu cầu sự thông qua và sáng tạo trong ngoại giao.

4. Kết luận

Hoạt động ngoại giao là một trong những vấn đề chủ đạo trong cuộc chiến chống cướp biển của Mỹ ở Barbary ở khu vực Địa Trung Hải. Từ thực tiễn đất nước sau cách mạng, bối cảnh quốc tế, tương quan giữa nước Mỹ với các nhà nước Barbary, các hoạt động ngoại giao chủ đạo đã được nước Mỹ áp dụng như là phương thức để đảm bảo nền thương mại qua khu vực Địa Trung

Hải. Các giải pháp ngoại giao được thực hiện bao gồm: hình thành một đường lối ngoại giao với nhà nước cướp biển từ đấu tranh nội các, nỗ lực tăng cường quan hệ với nước Pháp để chống cướp biển hay cụ thể hoá bằng các hiệp ước giữa chính quyền Mỹ với từng nhà nước Barbary. Các giải pháp ngoại giao mặc dù không kết thúc được hoàn toàn tình trạng cướp biển nhưng các giải pháp này giúp nước Mỹ duy trì được mối quan hệ hòa hiếu với các nhà nước cướp biển Barbary trong điều kiện nước Mỹ chưa tìm ra giải pháp phù hợp. Các nỗ lực ngoại giao và các hiệp ước đạt được giúp nước Mỹ nhận thức được con đường thực sự trong chính sách của Mỹ với các nhà nước Barbary, giải pháp quân sự là con đường hiệu quả và cuối cùng để đạt được việc chấm dứt nạn cướp biển đe dọa đến an ninh hàng hải của Mỹ và quốc tế khi buôn bán qua khu vực Địa Trung Hải.

Lời cảm ơn

Nghiên cứu này được tài trợ bởi Quỹ Phát triển Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng trong đề tài có mã số B2022-DN03-05.

TÀI LIỆU THAM KHẢO/ REFERENCES

- [1] J. Frusci, "The United States and the Pirates of the Barbary Coast," *Le Saber and Scroll Journal*, vol. 8, no. 2, pp. 77-84, 2019.
- [2] J. R. Sofka, "The Jeffersonian Idea of National Security: Commerce, the Atlantic Balance of Power, and the Barbary War, 1786-1805," *Diplomatic History*, vol. 21, no. 4, pp. 519-544, 1997.
- [3] B. Kilmeade and D. Yaeger, *Thomas Jefferson and the Tripoli Pirates: The Forgotten War That Changed American History*. New York: Sentinel, 2015.
- [4] V. S. Nguyen, D. Q. Nguyen, T. K. T. Nguyen, and T. N. Tran, "The policy of American presidents with the Barbary pirate states (1783-1805)," *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, vol. 21, no. 9.2, pp. 1-6, 2023.
- [5] R. J. Allison, *The Crescent Obscured: The United States and the Muslim World, 1776-1815*. New York: Oxford University Press, 2000.
- [6] L. Lambert, *The Barbary Wars: American Independence in the Atlantic World*. New York: Hill and Wang, 2005.
- [7] J. L. Haley, *The Shores of Tripoli: Lieutenant Putnam and the Barbary Pirates*. Georgia: University of Georgia Press, 2001.
- [8] G. Barnes, *The Wars of the Barbary Pirates, to the Shores of Tripoli: the Rise of the US Navy and Marines*. Osprey Publishing, 2006.
- [9] R. Zacks, *The Pirate Coast: Thomas Jefferson, the First Marines, and the Secret Mission of 1805*. New York: Hyperion, 2006.
- [10] J. Meacham, *Thomas Jefferson: The Art of Power*. New York: Random House, 2012.
- [11] A. B. C. Whipple, *To the Shores of Tripoli: The Birth of U.S. Navy and Marines*. Marrow, 1991.
- [12] V. S. Nguyen, N. H. C. Phan, and T. H. M. Phan, "The Quasi-War in the Franco - American Relations (1798-1800)," *The University of Danang - Journal of Science and Technology*, vol. 20, no. 4, pp. 46-49, 2022.
- [13] V. S. Nguyen and N. T. Tan, "America's war against Barbary pirates in the Mediterranean region (1815 - 1816)," *Journal of Military Studies*, vol. 2, pp. 115-123, 2023.
- [14] J. Wheelan, *Jefferson's War, America's First War on Terror 1801-1805*. New York: Carroll & Graf, 2003.
- [15] G. Barnes, *The Wars of the Barbary Pirates, to the Shores of Tripoli: the Rise of the US Navy and Marines*. Osprey Publishing, 2006.